

Số: /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày tháng 11 năm 2023

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện công tác Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Tuần Giáo năm 2023

Thực hiện Văn bản số 5393/UBND-KTN, ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc tham mưu báo cáo kết quả triển khai chuyển đổi số phục vụ phiên họp tổng kết năm 2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số;

UBND huyện Tuần Giáo báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác Chuyển đổi số năm 2023 như sau:

#### I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

##### 1. Công tác chỉ đạo điều hành

UBND huyện đã chỉ đạo Phòng văn hóa và Thông tin - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện phối hợp với các cơ quan đơn vị chuyên môn tham mưu cho UBND huyện ban hành các văn bản, quyết định, kế hoạch triển khai thực hiện công tác Chuyển đổi số trên địa bàn.

(Có danh sách kèm theo)

#### II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

##### 1. Nhận thức số

UBND huyện đã ban hành kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 08/9/2023 về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Tuần Giáo; nhằm lan tỏa và thu hút sự hưởng ứng tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với công cuộc chuyển đổi số của tỉnh, huyện hướng tới mục tiêu phục vụ hiệu quả cao nhất cho người dân và doanh nghiệp, góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý của cấp chính quyền các cấp và chất lượng cuộc sống của người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh và công bằng xã hội.

- **Cấp huyện:** Chỉ đạo Trung tâm Văn hóa, Truyền thanh - Truyền hình huyện xây dựng chuyên mục Chuyển đổi số để thực hiện phát sóng trên hệ thống Đài truyền thanh xã, thị trấn 01 chương trình/tháng (Phát vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2023), nội dung về chương trình chuyển đổi số và Đề án 06 huyện. Biên soạn được 54 tin bài tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh huyện. Công an huyện biên tập và đăng 46 tin tuyên truyền về đề án 06 trên facebook “ Công an huyện Tuần Giáo”, chia sẻ 200 tin, bài trên các trang, nhóm, fanpage, facebook, zalo của các lực lượng công an, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Ngành giáo dục các cấp trên địa bàn huyện;

- **Cấp xã:** Thực hiện được trên 900 lượt tuyên truyền về các nội dung liên

quan đến Đề án 06 trên hệ thống đài truyền thanh cơ sở 19/19 xã phát lưu động và tổ chức họp dân, thu hút trên 10.000 lượt người tham gia.

## 2. Phát triển chính quyền số

### \* Về hạ tầng số

**Cấp huyện:** Hạ tầng CNTT trong các cơ quan Đảng, Nhà nước cơ bản đáp ứng yêu cầu tính đến thời điểm hiện tại toàn huyện có 03 máy chủ, tổng số máy tính phục vụ công tác chuyên môn tại các phòng ban cơ quan nhà nước cấp huyện là 205 chiếc; tỷ lệ CBCCVC tại UBND cấp huyện được trang bị máy tính đạt 100%; số lượng máy in là 141 máy, 21 máy quét (Scanner), 18 máy photocopy phục vụ cho công tác quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Số máy được cài phần mềm diệt vi rút như BKAV, Kaspersky đạt 100%; 100% các cơ quan được kết nối Internet băng thông rộng.

**Cấp xã:** Tổng số máy tính tại các UBND cấp xã: 364 chiếc; tỷ lệ CB, CC tại UBND cấp xã được trang bị máy tính trên 94%; Số lượng máy tính của UBND cấp xã được cài đặt phần mềm diệt vi rút có bản quyền đạt 100%. 100% UBND các xã, thị trấn đã được kết nối Internet để phục vụ công tác chuyên môn.

- Trang bị hệ thống hội nghị truyền hình kết nối đến 19/19 xã, thị trấn đảm bảo chuyên tiếp 100% các cuộc họp từ trung ương, tỉnh, huyện đến UBND các xã, thị trấn.

+ Toàn huyện hiện có 118 trạm BTS phát sóng thông tin di động của 3 nhà mạng Viettel và VNPT và Mobiphone;

+ 99,4% khối/bản đã được cung cấp dịch vụ thông tin di động mạng 2G (dịch vụ tối thiểu), còn 01/177 thôn/bản chưa được cung cấp dịch vụ (trắng sóng) ( bản trạm củ Ta Ma).

+ 92,1% khối/bản đã được cung cấp dịch vụ Internet băng rộng di động (3G/4G), còn 14/177 khối/bản chưa được cung cấp dịch vụ (*bản Cá – Quài Cang; bản Thờ Tỷ; Trạm củ - Ta Ma; Huổi Anh, Há Dừa, Thảm Năm Xá Tự - Tênh Phông, bản Phình Sáng, Khuá Trá, Phiêng Hoa – Phình Sáng; bản Háng Tàu – Tỏa Tình; bản Hua Mùn, Thảm Táng – Pú Xi; bản Huổi Nôm – Mường Khong*)

+ 91% khối/bản đã được cung cấp dịch vụ Internet băng rộng cố định (Internet cáp quang), còn 16/177 thôn/bản chưa được cung cấp dịch vụ ( *Bản Cá – Quài Cang; bản Huổi Kha – Mường mùn; bản Thờ Tỷ; Trạm củ - Ta Ma; Huổi Anh, Há Dừa, Thảm Năm Xá Tự - Tênh Phông, bản Phình Sáng, Khuá Trá, Phiêng Hoa – Phình Sáng; bản Háng Tàu – Tỏa Tình; bản Hát Láu, Hua Mùn, Thảm Táng – Pú Xi; bản Huổi Nôm – Mường Khong*).

+ 98,9% khu vực tập chung dân cư sinh sống, làm việc (Khối, bản) được phủ sóng thông tin di động mạng 3G, 4G, 5G.

- Duy trì phòng họp trực tuyến đến 100% các xã, thị trấn; Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức các cuộc họp trực tuyến giữa cấp huyện với cấp tỉnh, cấp Trung ương đạt 100% so với kế hoạch. Trong năm 2023, đã tổ chức được trên 30 cuộc họp trực tuyến.

- 100% các doanh nghiệp, trường học, bệnh viện có kết nối internet phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- Duy trì và sử dụng hiệu quả các phần mềm dùng chung, phần mềm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nhất là các phần mềm và CSDL liên thông tới các cơ quan từ huyện đến các xã, thị trấn.

*\* Công tác quản lý văn bản điều hành, thư điện tử công vụ, chữ ký số:*

- Về sử dụng hệ thống quản lý văn bản: 100% các cơ quan, đơn vị huyện và UBND các xã, thị trấn hiện đang sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành. Trên 99,4% văn bản được trao đổi trên môi trường mạng dưới dạng điện tử thông qua sử dụng phần mềm quản lý và điều hành

- Về sử dụng thư điện tử công vụ: tổng số thư điện tử công vụ được cấp trên toàn huyện là 822, trong đó: 121 tổ chức và 596 cá nhân.

- Về sử dụng chữ ký số: Cấp 117 chữ ký số cho tổ chức; 382 chữ ký số được cấp cho cá nhân; 22 chữ ký Sim PKY cho 22 Lãnh đạo huyện và Trưởng các phòng ban; Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tăng cường thực hiện ký số trong phát hành văn bản. Trong năm 2023, tỷ lệ ký số của các cơ quan, đơn vị huyện đạt 99,56%, UBND các xã, thị trấn đạt 97,92%.

- Cổng thông tin điện tử: Duy trì, khai thác có hiệu quả Cổng thông tin điện tử của huyện, cung cấp đầy đủ các thông tin chỉ đạo điều hành của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện lên Cổng thông tin điện tử huyện; đảm bảo thực hiện tốt các tiêu chí trong Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, trang thông tin điện tử trong các cơ quan nhà nước tỉnh Điện Biên. Hiện nay, đã có 19/19 xã, thị trấn có Trang thông tin điện tử cấp xã.

- Cấp đồng bộ tài khoản cho cơ sở giáo dục, người đứng đầu các cơ sở giáo dục tài khoản Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc của huyện (TDOffice) để tiếp nhận, xử lý công việc trên môi trường mạng, đảm bảo 100% các văn bản (trừ văn bản mật) được trao đổi trên môi trường mạng. Việc thực hiện phát hành văn bản điện tử thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

*\* Công tác Dịch vụ công trực tuyến:*

- *Kết quả tiếp nhận thủ tục hành chính trực tuyến tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 4.023/4.105 hồ sơ, đạt tỷ lệ 98%;* Trong đó kết quả tiếp nhận trực tuyến TTHC DVC tài nguyên môi trường: Thủ tục Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân; giấy tờ thân nhân, địa chỉ): 243/261 hồ sơ = 93,1%

- *Kết quả tiếp nhận thủ tục hành chính trực tuyến tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã: 5.001/5.704 hồ sơ, đạt tỷ lệ 87,6%;* Trong đó: Kết quả tiếp nhận trực tuyến TTHC DVC tư pháp: Tổng số TTHC tiếp nhận trực tuyến: 1.386/1.611 hồ sơ đạt tỷ lệ 86,0%, trong đó:

+ Đăng ký khai sinh: 830/964 hồ sơ trực tuyến, đạt 86,1%;

+ Đăng ký kết hôn: 552/602 hồ sơ trực tuyến, đạt 91,7%.

+ Đăng ký khai tử: 271/312 hồ sơ trực tuyến, đạt 86,9%;

Việc thực hiện giải quyết TTHC trên dịch vụ công theo Đề án 06:

+ Lĩnh vực tư pháp: đã thực hiện 1.946/2.187 hồ sơ DVC (đạt 88,98%), còn 241 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp (chiếm 11,02%).

+ Lĩnh vực tài nguyên môi trường: đã thực hiện 241/260 hồ sơ DVC (đạt 92,69%); còn 19 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp (chiếm 7,31%),

\* Công tác số hóa, kết quả giải quyết TTHC

- Triển khai thực hiện số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và tái sử dụng kết quả số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. Kết quả cụ thể từ ngày 01/1/2023 đến ngày 21/10/2023:

- Số hóa hồ sơ TTHC khi tiếp nhận:

+ Số hồ sơ tiếp nhận: 13.105 hồ sơ;

+ Số hồ sơ có số hóa thành phần hồ sơ: 10.129/13.105 hồ sơ (đạt 77,29%);

+ Số hồ sơ chưa số hóa thành phần hồ sơ: 2.976/13.105 hồ sơ (chiếm 22,71%).

- Số hóa kết quả giải quyết TTHC:

+ Số hồ sơ đã giải quyết: 12.982 hồ sơ;

+ Số hồ sơ có số hóa kết quả: 5.729/12.982 hồ sơ (đạt 44,13%);

+ Số hồ sơ chưa số hóa kết quả: 7.253/12.982 hồ sơ (chiếm 55,87%).

- *Thực hiện Nghị định 104/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ*: Triển khai Nghị định 104/NĐ-CP tới toàn thể cán bộ công chức, viên chức trong đơn vị cơ quan, thực hiện nghiêm và tuyên truyền, hướng dẫn người dân về các quy định của Nhà nước có liên quan đến việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công tại bộ phận tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính các cấp.

- *Xây dựng hệ sinh thái dữ liệu dùng chung* : Triển khai, sử dụng tra cứu, khai thác CSDLQG về dân cư trong quá trình giải quyết các TTHC. Việc khai thác, tra cứu thông tin công dân trong thực hiện thủ tục hành chính đối với bộ phận tiếp nhận thủ tục hành chính 1 cửa cấp huyện và xã đã có chức năng tra cứu 20 trường thông tin của công dân được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

### **3. Phát triển Kinh tế số**

- Trong năm 2023, các ngân hàng trên địa bàn huyện tiếp tục triển khai các dịch vụ, sản phẩm mới phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán điện tử; thường xuyên triển khai đăng thông tin quảng cáo, quảng bá các sản phẩm dịch vụ, tiện ích trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn để tuyên truyền, quảng bá; triển khai chương trình miễn, giảm nhiều gói dịch vụ khuyến khích người dân sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Các phương tiện

thanh toán phục vụ hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán điện tử tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, nâng cao chất lượng đáp ứng nhu cầu người dân, doanh nghiệp, trong đó nổi bật là: Dịch vụ mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử (eKYC), thanh toán qua mã phản hồi nhanh QR Code...

- Thực hiện thanh toán trực tuyến các khoản phí, lệ phí trong giải quyết TTHC tại cấp huyện và cấp xã. Hướng dẫn công dân thực hiện mở tài khoản thanh toán các khoản phí không sử dụng tiền mặt qua các ứng dụng ví điện tử. Kết quả thực hiện thanh toán trực tuyến:

- + Lĩnh vực Hộ tịch: 1.698 hồ sơ;
- + Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh): 172 hồ sơ;
- + Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm: 290 hồ sơ ;
- + Lĩnh vực Hoạt động xây dựng: 06 hồ sơ ;
- + Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước: 04 hồ sơ ;
- + Lĩnh vực Nuôi con nuôi: 01 hồ sơ ;
- + Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã): 01 hồ sơ.

#### **4. Phát triển Xã hội số**

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 42,8%; Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh đạt trên 65,1% ; Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số đạt 99,1 %góp phần là nền tảng hình thành môi trường số giúp kết nối, chia sẻ thông tin, tri thức, các giá trị văn hóa và tạo ra môi trường sống, lao động, học tập, sản xuất, kinh doanh mới trên không gian mạng, thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ, xóa đói, giảm nghèo, giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao dân trí và chất lượng cuộc sống.

- Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác 39,5%. Các tổ chức đổi số cộng đồng với vai trò nòng cốt của đoàn viên thanh niên đã tích cực, năng động, sáng tạo trong nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho người dân, để từng bước hình thành công dân số.

- Bưu điện huyện triển khai hệ thống MyVietNamPost Plus (có phiên bản App trên smartphone và website dành cho máy tính) để khách hàng sử dụng, có đầy đủ tính năng tạo đơn hàng, quản lý đơn hàng (xem hành trình, quá trình chuyển phát...), lựa chọn dịch vụ mong muốn, yêu cầu thu gom (tại địa chỉ, gửi tại bưu cục), tính toán cước dịch vụ ... Ngoài ra hệ thống có nhiều tiện ích như chat, liên hệ điện thoại với bưu cục, tổng đài để hỗ trợ khách hàng trong quá trình sử dụng dịch vụ.

- Bưu điện huyện triển khai phối hợp với các ban, ngành và các đơn vị có liên quan chi trả chế độ an sinh xã hội không dùng tiền mặt theo chủ trương của Nhà nước. Trả lương hưu 853 đối tượng, bảo trợ 2.124 đối tượng, 15 người có công ... qua tài khoản thanh toán. Ứng dụng mạnh CNTT vào quản lý toàn bộ các hoạt động cung cấp dịch vụ.

- Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đưa lên sàn Post mart sản phẩm nông sản địa phương Caffè Hồng Kỳ, 3 sản phẩm táo mèo ngâm, táo mèo khô, giấm táo mèo.

- Nhận trả kết quả các thủ tục hành chính qua dịch vụ Bru chính công ích tổng 3.077 hồ sơ (trong đó tiếp nhận 490 hồ sơ, trả 2.587 hồ sơ).

( có biểu chi tiết kèm theo)

- Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân là 351 người (bao gồm cán bộ và nhân dân trên địa bàn) và 85 người đứng đầu tại 85 doanh nghiệp vừa và nhỏ, HTX có chữ ký số điện tử đạt 0,8%.

+ Việc thu thuế qua Cổng dịch vụ công trực tuyến đến 30/9/2023

Tổng số giao dịch				Tổng tiền (ĐVN)			
Thành công	Thất bại	Chờ xử lý	Tổng cộng	Thành công	Thất bại	Chờ xử lý	Tổng cộng
822	134	0	956	520.716.601	189.326.284	0	710.042.885

+ Công tác làm sạch dữ liệu Bảo hiểm xã hội: Đã tiến hành làm sạch 93.557/93.611 trường hợp sai lệch thông tin giữa dữ liệu Bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (đạt 99,94%), còn 54 trường hợp chưa được làm sạch (chiếm 0,06%).

+ Công tác triển khai thanh toán không dùng tiền mặt:

Công tác chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng an sinh xã hội: Đã tiến hành thu thập thông tin, cấp tài khoản cho 4.317/7.019 đối tượng bảo trợ xã hội và người có công (đạt 61,50%), còn 2.702 trường hợp chưa được cấp tài khoản (chiếm 38,50%); tiến hành chi trả qua tài khoản cho 2.678 trường hợp (đạt 38,15%), còn 4.341 trường hợp chưa được tiến hành chi trả qua tài khoản (chiếm 61,85%) đang chậm tiến độ đề ra.

Công tác triển khai thu nộp học phí và hỗ trợ chi trả học phí học tập cho học sinh không dùng tiền mặt: Số phụ huynh/học sinh thu nộp học phí không dùng tiền mặt 13.299/24.808 trường hợp (đạt 53,61%), còn 11.509 trường hợp chưa thu nộp học phí không dùng tiền mặt (chiếm 46,39%); chưa thực hiện việc chi trả chế độ cho học sinh không dùng tiền mặt.

+ Công tác khám chữa bệnh BHYT bằng thẻ CCCD

- Tổng số đầu quét mã Qr-code trên căn cước công dân tại các cơ sở KCB là 20 cái; Số cơ sở khám chữa bệnh (KCB) đã trang bị đầu quét mã Qr-code trên căn cước công dân là 19/20 cơ sở. 1 Trạm Y tế xã thị trấn không thực hiện công tác khám bệnh chỉ làm công tác dự phòng.

- Đối với việc kiểm tra thông tin thẻ Bảo hiểm y tế, ngoài kiểm tra trên Cổng Thông tin điện tử Bảo hiểm xã hội Việt Nam, hiện các cơ sở khám, chữa bệnh đang triển khai nâng cấp phần mềm quản lý thông tin y tế để tích hợp trên

hệ thống thông tin tại các đơn vị, tạo thuận lợi cho người dân khi sử dụng thẻ căn cước công dân tham gia khám, chữa bệnh.

- 19/20 cơ sở khám, chữa bệnh tại Trung tâm và các trạm Y tế xã đã triển khai thực hiện khám chữa bệnh bằng căn cước công dân gắn chip. Kết quả thực hiện từ tháng 1/2023 đến 20/10/2023 cụ thể như sau:

- Tổng số lượt KCB BHYT thực hiện bằng CCCD gắn chip là: 34144 lượt.
- + Số thực hiện KCB bằng CCCD gắn chip thành công: 33.290 lượt đạt 98%;
- + Số thực hiện KCB bằng CCCD không thành công: 854 lượt chiếm 2%;
- + Số thực hiện khám liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe cho xe máy: 77 lượt, đầy công thành công 77 đạt 100%;

- + Số thực hiện khám liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe cho xe ô tô: 105 lượt, đầy công thành công 105 đạt 100%.

- Thực hiện triển khai thanh toán không dùng tiền mặt:

- + Thanh toán viện phí không dùng tiền mặt triển khai tại Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo Kết quả thực hiện từ tháng 29/08/2023 đến 20/10/2023 là:

- + Tổng số lượt người bệnh thanh toán không dùng tiền mặt: 8/1870 lượt (đạt 0.42%)

- + Tổng số tiền thanh toán không dùng tiền mặt: 1.866.143 /**303.787.186 đ (đạt 0.62%)**

- *Công tác triển khai các mô hình điểm*

Thực hiện Văn bản số 562/UBND-VP ngày 05/4/2023 triển khai thực hiện mô hình tuyên truyền “Một cửa” đồng hành với Đề án 06 tại cơ quan, đơn vị, địa phương: Tại hệ thống một cửa các cấp có cán bộ hướng dẫn người dân trên máy móc, thiết bị sử dụng dịch vụ công trực tuyến khi có nhu cầu; có áp phích hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trên môi trường điện tử; tuyên truyền tiện ích Đề án 06 trên cổng thông tin điện tử của huyện, tuyên truyền cho người dân, tổ chức biết được lợi ích thiết thực, tích cực tham gia 25 dịch vụ công thiết yếu và việc cấp số định danh điện tử cho công dân. 100% cán bộ, công chức, viên chức phục vụ trong việc tra cứu thông tin trong hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

## **5. An toàn thông tin mạng**

- 100% số tài khoản phần mềm mã độc tập trung Bkav endpoint được cấp được cài đặt cho các cơ quan Nhà nước trên địa bàn huyện Tuần Giáo.

- Các thiết bị được cài đặt giải pháp bảo vệ như tường lửa Firewall cho 02 máy chủ, tường lửa cho toàn mạng (Network Firewall), số máy tính tại UBND huyện được cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền đạt 100%, cấp xã đạt trên 95%. Hệ thống máy chủ hoạt động đảm bảo, thực hiện tốt quy định quản lý vận hành, cập nhật, sao lưu, khôi phục dữ liệu, khôi phục hệ thống mạng sau khi xảy ra sự cố.

- Khai thác, sử dụng tốt mạng truyền số liệu chuyên dùng theo Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Điện Biên và đảm bảo kiến trúc hạ tầng kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh theo phiên bản 2.0.

- Việc tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin được triển khai với nhiều hình thức đa dạng tại các cơ quan, đơn vị.

- Triển khai đầy đủ các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố an toàn thông tin; phân công cán bộ phụ trách CNTT thường trực xử lý sự cố mạng và mất an toàn thông tin.

- Kịp thời cảnh báo các lỗ hổng bảo mật trên các hệ điều hành và phần mềm ứng dụng; cảnh báo nguy cơ bị tấn công vào các hệ thống thông tin đồng thời hướng dẫn các xử lý, khắc phục tạm sự cố nếu bị tấn công tới các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn trên địa bàn.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

- Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn huyện được đầu tư và phát triển, mạng viễn thông, mạng internet cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, trên 100% cán bộ, công chức, viên chức thực hiện việc tiếp nhận và xử lý công việc qua phần mềm quản lý văn bản điện tử TDoffice đảm bảo theo tiến độ, thời gian quy định.

- Trình độ ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công tác, chủ động ứng dụng CNTT trong công việc góp phần hỗ trợ tốt công tác xử lý nghiệp vụ, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Các cơ quan, đơn vị đã có sự quan tâm đến việc chỉ đạo ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành và thực thi công vụ gắn với CCHC, xây dựng chính quyền điện tử, thay đổi thói quen làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, tiết kiệm chi phí và thời gian, công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC.

#### **2. Tồn tại và nguyên nhân**

- Việc phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi số còn nhiều khó khăn như: Tỷ lệ bao phủ internet (cả 3G, 4G, 5G và internet băng rộng mặt đất) còn thấp; tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet băng rộng mặt đất rất thấp.

- Việc triển khai công tác tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI còn rất thấp, đến ngày 30/9 vẫn còn một số xã chưa phát sinh hồ sơ nào bao gồm cả chiều đi và chiều trả.

- Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh, có tài khoản ngân hàng để liên kết với ví điện tử còn thấp gây khó khăn cho quá trình tham gia thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán các dịch vụ cơ bản (điện, nước, ...), các giao dịch trên sàn thương mại điện tử.

- Công tác tuyên truyền triển khai thực hiện Dịch vụ Công trực tuyến, định danh điện tử (VNeID) có lúc có nơi chưa được thường xuyên, liên tục; Chưa tuyên truyền rõ cho công dân hiểu được lợi ích của việc thực hiện DVC trực tuyến và tài khoản VneID.

- Tổ công nghệ số cộng đồng cấp Khối/bản tiếp cận công nghệ thông tin chậm; một số thành viên không có điện thoại thông minh. Do đó việc trao đổi, triển khai các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên các nhóm Zalo chưa đạt hiệu quả cao.

- Có nhiều người dân dùng điện thoại thông minh nhưng không sử dụng dịch vụ mạng, trình độ sử dụng công nghệ thông tin còn hạn chế nên việc hướng dẫn người dân tiếp cận, cài đặt sử dụng các dịch vụ số còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc số hóa các TTHC thuộc lĩnh vực Tư pháp và các đơn vị còn chậm và chưa kịp tiến độ đề ra.

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến thực tế trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử còn thấp; hồ sơ trực tuyến chủ yếu do cán bộ một cửa trực tiếp hướng dẫn người dân và doanh nghiệp nhập vào hệ thống khi mang hồ sơ giấy đến nộp.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024**

#### **1. Mục tiêu chung**

- Từng bước hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết 15-NQ/HU ngày 24/3/2022 Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 01/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 28/10/2020 của UBND huyện Tuần Giáo về Triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch 184/KH-UBND ngày 11/8/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 15-NQ/HU ngày 24/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tuần Giáo về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 01/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; làm căn cứ để triển khai chuyển đổi số trong các ngành nghề, lĩnh vực, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện; là căn cứ để kiểm tra, đánh giá kết quả chuyển đổi số của các ngành, lĩnh vực, các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc các Chương trình, Chiến lược của Quốc gia về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

#### **2. Nhiệm vụ**

##### **2.1. Nhận thức số**

- Người đứng đầu các đơn vị tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục

tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp đào tạo, tập huấn giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức UBND huyện, UBND cấp xã; cán bộ các tổ chức đoàn thể cấp huyện, cấp xã.

- Tổ chức các hội nghị, các lớp đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số cho các tổ chức, doanh nghiệp, trước hết là những người đứng đầu nắm được cách thức để thực hiện chuyển đổi số trong đơn vị.

- Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về Kế hoạch chuyển đổi số trên hệ thống thông tin của địa phương; tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử của huyện; Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện, UBND các xã, thị trấn và trên mạng xã hội như Zalo, facebook.....

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân về sử dụng Internet, thư điện tử, giao dịch điện tử, mua bán trực tuyến, tham gia sàn giao dịch nông sản, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm an toàn thông tin cá nhân,...

## **2.2. Thể chế số**

- Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản liên quan trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong quá trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

- Rà soát, đề xuất bổ sung hệ thống văn bản pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, internet và không gian mạng.

- Nghiên cứu các giải pháp khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, người dân nghiên cứu, đầu tư, tài trợ, chuyển giao công nghệ cho chuyển đổi số; cung cấp, sử dụng các dịch vụ số trên địa bàn huyện.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương cam kết đổi mới, sáng tạo điều kiện cho phép thử nghiệm công nghệ mới, mô hình mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành phần khác nhau theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong ngành, lĩnh vực cơ quan, địa phương mình phụ trách.

## **2.3. Hạ tầng số**

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng phát triển Chính quyền số huyện Tuần Giáo bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Thiết lập môi trường làm việc số đồng bộ trong cơ quan hành chính của huyện đảm bảo thông suốt phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp:

- Tiếp tục đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số trên môi trường mạng; 100% cán bộ, công chức cấp huyện và xã, thị trấn được trang bị và sử dụng thành thạo máy tính; 100% cơ quan Đảng, chính quyền các cấp kết nối mạng số liệu chuyên dùng của tỉnh Điện Biên (WAN).

- Tiếp tục duy trì triển khai hạ tầng kỹ thuật phục vụ Hội nghị trực tuyến đồng bộ 03 cấp từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với Hệ thống Hội nghị trực tuyến quốc gia.

- Phối hợp với các cơ quan chủ trì của tỉnh trong việc xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên địa bàn huyện; ưu tiên triển khai tại cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện.

#### **2.4. Dữ liệu số**

- Tiếp tục duy trì các ứng dụng dùng chung: Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành TD-Office được kết nối thường xuyên; việc giao, nhận văn bản trực tiếp trên hệ thống đảm bảo 100% công văn đi - đến được xử lý trên môi trường mạng, trừ các văn bản mật, văn bản đích danh; hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh; công tác đảm bảo an toàn thông tin...

- Cổng thông tin điện tử huyện; trang thông tin điện tử các xã, thị trấn và các cơ quan đơn vị thực hiện tốt việc thông tin, tuyên truyền các hoạt động chỉ đạo, điều hành; minh bạch thông tin, phục vụ ngày càng hiệu quả cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội.

- Chú trọng công tác chuẩn hóa dữ liệu số, liên thông cơ sở dữ liệu dân cư, cơ sở dữ liệu ngành; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ điện tử của các cơ quan đảng, nhà nước theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

- Phối hợp, tham gia xây dựng và phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tạo nên tảng phát triển chính quyền điện tử.

#### **2.5. Nền tảng số**

Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện Tuần Giáo nghiêm túc triển khai, sử dụng, khai thác có hiệu quả các nền tảng phục vụ chính quyền số theo danh mục các nền tảng số tập trung sử dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2022 theo văn bản 1855/UBND-KTN ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh Điện Biên. Chỉ đạo, đôn đốc Tổ công nghệ số cộng đồng tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia sử dụng các nền tảng xã hội số; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng về các chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số; chuyển giao hướng dẫn cài đặt, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các nền tảng số và khi tham gia các hoạt động trên môi trường số.

#### **2.6. Nhân lực số**

- Thường xuyên cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về Công nghệ thông tin, chuyển đổi số do các cấp tổ chức nhằm đáp ứng yêu cầu ứng dụng và triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin, chuyển đổi số

trong các cơ quan Nhà nước.

- Đào tạo Công nghệ thông tin theo vị trí việc làm; đảm bảo hầu hết cán bộ, công chức sử dụng tốt phần mềm cơ bản, chuyên ngành phục vụ công việc.

### **2.7. An toàn thông tin mạng**

#### *+ Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ*

Hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành.

#### *+ Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng*

Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

#### *+ Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng*

Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin.

Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định.

#### *+ Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin*

Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

Tham gia đầy đủ các cuộc tập huấn, diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng của tỉnh tổ chức.

Giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

### **2.8. Chính quyền số**

- Tỷ lệ văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị được trao đổi, liên thông trên môi trường mạng (*trừ văn bản mật*) đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc cơ quan, đơn vị được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật) đối với cấp huyện đạt 70%.
- Tỷ lệ hồ sơ công việc cơ quan, đơn vị được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật) đối với cấp xã đạt 50%.
- Tỷ lệ thống kê, báo cáo thực hiện trực tuyến đạt 100%.
- Tỷ lệ hoạt động giám sát, kiểm tra của các cơ quan, đơn vị có thể thực hiện được thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý đạt 5%.
- Tỷ lệ hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thường xuyên được giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh mạng đạt 75%.
- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản về chuyển đổi số đạt 50%.
- Đẩy mạnh ứng dụng hệ thống điện tử lãnh đạo, quản lý, điều hành, giám sát công việc; ứng dụng Chữ ký số trong các giao dịch điện tử, Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống hội nghị trực tuyến...
- Đảm bảo cung cấp 100% các dịch vụ hành chính công của huyện theo hình thức trực tuyến mức độ 2, trên 50% mức độ 3, 4. 100% hồ sơ, thủ tục hành chính mức độ 3, 4 giải quyết theo hình thức trực tuyến.
- Đẩy mạnh hoạt động Cổng Thông tin điện tử huyện đảm bảo theo yêu cầu tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ;
- 100% các hệ thống thông tin trọng yếu của huyện được trang bị các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng.
- Tiếp tục chuẩn hóa, tạo lập các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đảm bảo tuân thủ theo khung Chính quyền số của tỉnh Điện Biên; phối hợp với các cơ quan tỉnh Điện Biên để triển khai kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa địa phương với cấp Tỉnh và Trung ương.
- Xây dựng trang thông tin điện tử các phòng chuyên môn UBND huyện phục vụ công tác tuyên truyền và công khai các TTHC của huyện.

## **2.9. Kinh tế số**

- Đẩy mạnh việc thu hút, thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong điều hành, quản lý, sản xuất, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử; ứng dụng đồng bộ các nền tảng công nghệ số phục vụ công tác quản lý, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm.
- Hướng dẫn các hộ kinh doanh bán lẻ trên địa bàn huyện ứng dụng các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.
- Tỷ lệ góp phần tăng năng xuất lao động đạt 3%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số đạt 15%.
- Số doanh nghiệp công nghệ số đạt 01 doanh nghiệp.
- Tỷ lệ dân số tham gia mua sắm trực tuyến đạt 30%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có tài khoản thương mại điện tử đạt 15%.
- Tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản trên sàn thương mại điện tử đạt 5%.

### **2.10. Xã hội số**

- Triển khai tuyên truyền, phổ biến rộng rãi thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng Thông tin điện tử huyện về kết quả quá trình triển khai chuyển đổi số. Tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho người dân để ứng dụng vào hoạt động sản xuất, giao dịch trực tuyến.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân tham gia phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch và các nền tảng, kênh thông tin khác như kênh zalo về chuyển đổi số quốc gia...; tăng số lượng người dân có danh tính số/tài khoản định danh điện tử; thanh toán điện tử; khám bệnh bằng thẻ CCCD tại các cơ sở y tế... bảo đảm phù hợp với nội dung về phát triển xã hội số tại Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 3179/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết 15-NQ/HU ngày 24/3/2022 của Huyện ủy Tuần Giáo về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 01/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Trên đây là Kết quả thực hiện công tác Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Tuần Giáo năm 2023, kính gửi Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, tổng hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh (b/c);
- TT. Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện (b/c);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Thành viên BCD chuyển đổi số huyện;
- Các cơ quan đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, PVHTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mùa Va hồ**

**PHỤ LỤC 1**

**Các văn bản chỉ đạo triển khai công tác chuyển đổi số năm 2023**  
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của  
UBND huyện Tuần Giáo)

<b>STT</b>	<b>Số văn bản</b>	<b>Nội dung</b>
1	Số: 04/KH-UBND Ngày 12/01/2023	Về việc Kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2023 trên địa bàn huyện Tuần Giáo.
2	Số: 10/KH-UBND Ngày 17/01/2023	Về việc Truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn huyện Tuần Giáo
3	Số: 15/KH-UBND Ngày 30/01/2023	Về việc Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023.
4	Số: 105/QĐ-UBND Ngày 10/2/2023	Phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuần Giáo”
5	Số: 16 /KH-UBND Ngày 30/1/2023	Kế hoạch Công tác Thông tin đối ngoại huyện Tuần Giáo năm 2023
6	Số: 298/UBND- VH&TT Ngày 17/3/2023	V/v tăng cường sử dụng dịch vụ bưu chính KT1 đảm bảo an toàn, an ninh bí mật Nhà nước theo quyết định số 37/2021/QĐ-TTg
7	Số: 73/KH-UBND Ngày 17/3/2023	Kế hoạch Triển khai thực hiện Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc công bố danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI và danh mục TTHC không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn huyện Tuần Giáo
8	Số: 452/UBND-VHTT Ngày 10/4/2023	V/v triển khai thực hiện thông báo địa chỉ số trên địa bàn huyện Tuần Giáo.
9	Số: 661 /UBND-VHTT Ngày 18/5/2023	V/v đơn đốc, kiện toàn, nâng chất lượng hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng; tăng cường phối hợp trong triển khai các hoạt động Chuyển đổi số của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.
10	Số: 730 /UBND-VHTT Ngày 31/5/2023	V/v triển khai các nhiệm vụ Chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn huyện Tuần Giáo.
11	Số: 136/KH-UBND Ngày 31/5/2023	Kế hoạch Triển khai Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam, Giai đoạn 2023 - 2028 trên địa bàn huyện Tuần Giáo
12	Số: 127/KH-UBND Ngày 17/5/2023	Kế hoạch Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý, chấn chỉnh hoạt động báo, tạp chí, trang thông tin điện tử, mạng xã hội trên địa bàn huyện Tuần Giáo
13	Số 691/UBND-VHTT Ngày 24/5/2023	V/v đẩy mạnh triển khai ứng dụng chữ ký số công cộng để giải quyết TTHC trực tuyến trên địa bàn huyện.
14	Số:731 /UBND-VHTT Ngày 31/5/2023	V/v cung cấp số liệu phục vụ đánh giá Chỉ số chuyển đổi số.

<b>STT</b>	<b>Số văn bản</b>	<b>Nội dung</b>
15	Số: 748/UBND-VHTT Ngày 01/6/2023	V/v hướng dẫn xác định, phân loại và xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị.
16	Số: 140KH-UBND Ngày 02/6/2023	Kế hoạch Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin đến năm 2025 trên địa bàn huyện Tuần Giáo
17	Số: /KH-UBND Ngày 09/6/2023	Kế hoạch Triển khai thực hiện xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” Phát sóng trên Đài truyền thanh cơ sở huyện Tuần Giáo
18	Số: 146 /KH-UBND Ngày 09/6/2023	Kế hoạch Nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến năm 2023 trên địa bàn huyện Tuần Giáo
19	Số: 154/KH-BCĐ Ngày 25/6/2023	Kế hoạch Hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số năm 2023
20	Số: 161/KH-UBND Ngày 25/6/2023	Kế hoạch phát triển các lĩnh vực ngành Thông tin và Truyền thông trên địa bàn huyện Tuần Giáo năm 2024
21	Số: 970/UBND-VHTT Ngày 13/7/2023	V/v tuyên truyền triển khai chữ ký số công cộng trên địa bàn huyện Tuần Giáo
22	Số: 966/UBND-VHTT Ngày 13/7/2023	V/v triển khai thực Quy chế về quản lý, vận hành IOC Điện Biên và Quy chế tiếp nhận và giải quyết phản ánh hiện trường.
23	Số: 968/UBND-VHTT Ngày 13/7/2023	V/v tuyên truyền Quy chế Tiếp nhận và Giải quyết phản ánh hiện trường trên Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường của Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Điện Biên.
24	Số: 194/KH- UBND Ngày 08/9/2023	Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày Chuyển đổi số huyện Tuần Giáo năm 2023
25	Số: 1413/UBND-VP Ngày 28/9/2023	V/v tuyên truyền hướng dẫn cài đặt, sử dụng ứng dụng Điện Biên Smart trên điện thoại di động thông minh (App Điện Biên Smart)
26	Số: 1256/QĐ-UBND Ngày 02/10/2023	Phê duyệt kết quả chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuần Giáo năm 2022
27	Số: 1436/UBND-VHTT Ngày 03/10/2023	V/v phổ cập bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023

**PHỤ LỤC 2****Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số năm 2023**

( Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của  
UBND huyện Tuần Giáo)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Phát triển hạ tầng số</b>			
1	Tỷ lệ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến khu dân cư sinh sống, làm việc (Khởi, bản)	92%	93%	Đang thực hiện
2	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	42,8%	50%	Đang thực hiện
3	Tỷ lệ khu vực dân cư sinh sống, làm việc (Khởi, bản) được phủ sóng thông tin di động mạng 3G, 4G, 5G	98,9%	96,5%	Đạt
4	Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh	65,1%	70%	Đang thực hiện
<b>II</b>	<b>Chính quyền số</b>			
1	Tỷ lệ văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị được trao đổi, liên thông trên môi trường mạng (trừ văn bản mật)	99,75%	100%	Đang thực hiện
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau	100%	100%	Đạt
3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ	87,6	70%	Đạt
4	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	86%	>60%	Đạt
5	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa	21,7	30%	Đang thực hiện
6	Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, đối với cấp xã, thị trấn thực hiện từ ngày 01/6/2023.	77,29	100%	Đang thực hiện
7	Tỷ lệ hồ sơ công việc cơ quan, đơn vị được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật)			
	Cấp huyện	100%	100%	Đạt
	Cấp xã	100%	100%	Đạt

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023	Ghi chú
8	Tỷ lệ thống kê, báo cáo thực hiện trực tuyến	100%	100%	Đạt
9	Tỷ lệ hoạt động giám sát, kiểm tra của các cơ quan, đơn vị có thể thực hiện được thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	0%	3%	Đang thực hiện
10	Tỷ lệ hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thường xuyên được giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh mạng	100%	90%	Đạt
11	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ hệ thống thông tin	0%	100%	Chưa Đạt
<b>III</b>	<b>Phát triển kinh tế số, xã hội số</b>			
1	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số	20%	20%	Đạt
2	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100%	100%	Đạt
3	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức khác	38,1%	37%	Đạt
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	0,8%	4%	Đang thực hiện
5	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến	21,4%	45%	Đang thực hiện
6	Tỷ lệ người dân được tiếp cận, sử dụng bình đẳng các dịch vụ thiết yếu (chính quyền số, y tế, giáo dục, thông tin, thương mại điện tử, khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường).	80%	80%	Đạt
7	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp được hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của huyện.	90%	100%	Đang thực hiện
8	Tỷ lệ các trường học có ứng dụng công nghệ số trong công tác dạy học và hoạt động quản lý.	100%	100%	Đạt
9	Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số	99,1%	95%	Đạt

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH GỬI NHẬN VĂN BẢN**

Từ ngày: 01/01/2023 Đến ngày: 15/10/2023

( Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Tuần Giáo)

STT	Đơn vị	Văn bản đi						VB đến
		VB đã gửi	VB gửi có ký số lãnh đạo	Tỷ lệ % ký số LD	VB gửi có ký số	Tỷ lệ % ký số	VB gửi qua mạng	
<b>I</b>	<b>Các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện</b>	<b>8414</b>	<b>7415</b>	<b>88,13</b>	<b>8393</b>	<b>99,75</b>	<b>8379</b>	<b>8636</b>
1	Văn phòng HĐND&UBND huyện	4602	3688	<b>80,14</b>	4588	<b>99,7</b>	4593	4781
2	Phòng Giáo dục - Đào tạo	1385	1363	<b>98,41</b>	1385	<b>100</b>	1377	1266
3	Phòng Tư Pháp	272	271	<b>99,63</b>	272	<b>100</b>	272	171
4	Phòng Nông nghiệp - PTNT	247	241	<b>97,57</b>	247	<b>100</b>	243	35
5	Phòng Tài Nguyên & MT	212	172	<b>81,13</b>	212	<b>100</b>	211	280
6	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	186	178	<b>95,7</b>	186	<b>100</b>	186	304
7	Phòng Văn Hóa -TT	146	143	<b>97,95</b>	146	<b>100</b>	145	466
8	Phòng Y Tế	49	49	<b>100</b>	49	<b>100</b>	49	0
9	Phòng Lao Động-TBXH	400	399	<b>99,75</b>	399	<b>99,75</b>	394	211
10	Phòng Tài chính - Kế hoạch	601	599	<b>99,67</b>	599	<b>99,67</b>	600	406
11	Phòng Dân Tộc	124	124	<b>100</b>	123	<b>99,19</b>	122	184
12	Phòng Nội Vụ	146	145	<b>99,32</b>	144	<b>98,63</b>	144	405
13	Thanh Tra huyện	44	43	<b>97,73</b>	43	<b>97,73</b>	43	127

STT	Đơn vị	Văn bản đi						VB đến
		VB đã gửi	VB gửi có ký số lãnh đạo	Tỷ lệ % ký số LĐ	VB gửi có ký số	Tỷ lệ % ký số	VB gửi qua mạng	
<b>II</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp khác</b>	<b>892</b>	<b>736</b>	<b>82,51</b>	<b>839</b>	<b>94,06</b>	<b>885</b>	<b>482</b>
1	Trung tâm giáo dục NN-GD TX	133	133	<b>100</b>	132	<b>99,25</b>	133	1
2	Trung Tâm Quản Lý Đất Đai	396	393	<b>99,24</b>	393	<b>99,24</b>	396	179
3	Trung tâm Văn Hóa - Truyền thanh- Truyền hình	48	0	<b>0</b>	47	<b>97,92</b>	48	177
4	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	196	188	<b>95,92</b>	186	<b>94,9</b>	193	125
5	Ban Quản Lý Dự Án	119	22	<b>18,49</b>	81	<b>68,07</b>	115	0
<b>III</b>	<b>Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn</b>	<b>5001</b>	<b>4574</b>	<b>91,46</b>	<b>4919</b>	<b>98,36</b>	<b>4906</b>	<b>6171</b>
1	Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh	528	526	<b>99,62</b>	528	<b>100</b>	525	327
2	Ủy ban nhân dân xã Nà Sáy	410	406	<b>99,02</b>	410	<b>100</b>	400	253
3	Ủy ban nhân dân xã Mường Thín	355	355	<b>100</b>	355	<b>100</b>	350	518
4	Ủy ban nhân dân Thị Trấn	325	298	<b>91,69</b>	325	<b>100</b>	320	24
5	Ủy ban nhân dân xã Ta Ma	307	267	<b>86,97</b>	307	<b>100</b>	303	511
6	Ủy ban nhân dân xã Rạng Đông	269	242	<b>89,96</b>	269	<b>100</b>	266	442
7	Ủy ban nhân dân xã Quài Nưa	234	209	<b>89,32</b>	234	<b>100</b>	232	81
8	Ủy ban nhân dân xã Quài Cang	161	151	<b>93,79</b>	161	<b>100</b>	161	508

STT	Đơn vị	Văn bản đi						VB đến
		VB đã gửi	VB gửi có ký số lãnh đạo	Tỷ lệ % ký số LĐ	VB gửi có ký số	Tỷ lệ % ký số	VB gửi qua mạng	
9	Ủy ban nhân dân xã Pú Xi	139	111	<b>79,86</b>	139	<b>100</b>	136	3
10	Ủy ban nhân dân xã Quài Tở	293	283	<b>96,59</b>	292	<b>99,66</b>	293	514
11	Ủy ban nhân dân xã Mường Mùn	255	245	<b>96,08</b>	254	<b>99,61</b>	246	451
12	Ủy ban nhân dân xã Nà Tông	182	172	<b>94,51</b>	180	<b>98,9</b>	175	149
13	Ủy ban nhân dân xã Tỏa Tình	180	141	<b>78,33</b>	178	<b>98,89</b>	178	275
14	Ủy ban nhân dân xã Tênh Phong	374	314	<b>83,96</b>	369	<b>98,66</b>	361	368
15	Ủy ban nhân dân xã Mùn Chung	328	302	<b>92,07</b>	321	<b>97,87</b>	323	519
16	Ủy ban nhân dân xã Mường Khong	131	125	<b>95,42</b>	125	<b>95,42</b>	126	381
17	Ủy ban nhân dân xã Chiềng Đông	241	221	<b>91,7</b>	219	<b>90,87</b>	241	239
18	Ủy ban nhân dân xã Pú Nhung	187	138	<b>73,8</b>	169	<b>90,37</b>	180	101
19	Ủy ban nhân dân xã Phình Sáng	102	68	<b>66,67</b>	84	<b>82,35</b>	90	507
<b>IV</b>	<b>Sự nghiệp giáo dục</b>	<b>1266</b>	<b>1077</b>	<b>85,07</b>	<b>1238</b>	<b>97,79</b>	<b>1249</b>	<b>646</b>
1	Trường THCS Quài Nưa	65	60	<b>92,31</b>	65	<b>100</b>	65	4
2	Trường THCS Thị Trấn	62	62	<b>100</b>	62	<b>100</b>	62	12
3	Trường Mầm Non Thị Trấn	42	36	<b>85,71</b>	42	<b>100</b>	42	0
4	Trường Mầm Non Quài Cang	40	40	<b>100</b>	40	<b>100</b>	40	0

STT	Đơn vị	Văn bản đi						VB đến
		VB đã gửi	VB gửi có ký số lãnh đạo	Tỷ lệ % ký số LD	VB gửi có ký số	Tỷ lệ % ký số	VB gửi qua mạng	
5	Trường Tiểu Học Số 2 Quài Nưa	39	39	<b>100</b>	39	<b>100</b>	39	14
6	Trường PTDTBT THCS Ta Ma	35	33	<b>94,29</b>	35	<b>100</b>	35	0
7	Trường PTDTBT THCS Mường Mùn	31	30	<b>96,77</b>	31	<b>100</b>	31	0
8	Trường Mầm Non 20-7	28	27	<b>96,43</b>	28	<b>100</b>	28	0
9	Trường THCS Rạng Đông	23	15	<b>65,22</b>	23	<b>100</b>	23	0
10	Trường Tiểu Học Quài Cang	21	19	<b>90,48</b>	21	<b>100</b>	21	19
11	Trường Tiểu Học Rạng Đông	21	17	<b>80,95</b>	21	<b>100</b>	21	2
12	Trường PTDTBT THCS Phình Sáng	20	20	<b>100</b>	20	<b>100</b>	19	0
13	Trường PTDTBT TH&THCS Pú Xi	20	19	<b>95</b>	20	<b>100</b>	20	22
14	Trường TH&THCS Tỏa Tình	19	19	<b>100</b>	19	<b>100</b>	19	10
15	Trường THCS Khong Hin	18	17	<b>94,44</b>	18	<b>100</b>	18	0
16	Trường Tiểu Học Mường Thín	18	18	<b>100</b>	18	<b>100</b>	17	14
17	Trường Tiểu Học Số 2 Quài Cang	18	15	<b>83,33</b>	18	<b>100</b>	18	0
18	Trường Mầm Non Phình Sáng	17	17	<b>100</b>	17	<b>100</b>	17	0
19	Trường Tiểu Học Số 1 Quài Nưa	17	14	<b>82,35</b>	17	<b>100</b>	16	12
20	Trường Tiểu Học Chiềng Sinh	15	15	<b>100</b>	15	<b>100</b>	15	15

STT	Đơn vị	Văn bản đi						VB đến
		VB đã gửi	VB gửi có ký số lãnh đạo	Tỷ lệ % ký số LĐ	VB gửi có ký số	Tỷ lệ % ký số	VB gửi qua mạng	
21	Trường Mầm Non Hòa Mi	14	4	<b>28,57</b>	14	<b>100</b>	14	0
22	Trường Mầm Non Nà Sáy	12	12	<b>100</b>	12	<b>100</b>	12	0
23	Trường Tiểu Học Mường Mùn	12	0	<b>0</b>	12	<b>100</b>	12	16
24	Trường Mầm Non Tỏa Tình	11	11	<b>100</b>	11	<b>100</b>	11	0
25	Trường PTDTBT TH Ta Ma	10	8	<b>80</b>	10	<b>100</b>	10	0
26	Trường Mầm Non An Bình	8	1	<b>12,5</b>	8	<b>100</b>	8	0
27	Trường PTDTBT TH Nậm Din	8	0	<b>0</b>	8	<b>100</b>	8	0
28	Trường Tiểu Học Xuân Ban	7	6	<b>85,71</b>	7	<b>100</b>	7	0
29	Trường Tiểu Học Quài Tở	6	4	<b>66,67</b>	6	<b>100</b>	5	1
30	Trường Mầm Non Pú Nhung	5	5	<b>100</b>	5	<b>100</b>	5	0
31	Trường Tiểu Học Pú Nhung	5	4	<b>80</b>	5	<b>100</b>	5	15
32	Trường Mầm Non Bình Minh	4	4	<b>100</b>	4	<b>100</b>	4	0
33	Trường Tiểu Học Khong Hin	4	4	<b>100</b>	4	<b>100</b>	4	20
34	Trường Tiểu Học Số 2 Thị Trấn	4	4	<b>100</b>	4	<b>100</b>	4	0
35	Trường Mầm Non Mường Mùn	3	0	<b>0</b>	3	<b>100</b>	3	0
36	Trường Mầm Non Rạng Đông	3	3	<b>100</b>	3	<b>100</b>	3	0

STT	Đơn vị	Văn bản đi						VB đến
		VB đã gửi	VB gửi có ký số lãnh đạo	Tỷ lệ % ký số LĐ	VB gửi có ký số	Tỷ lệ % ký số	VB gửi qua mạng	
37	Trường Mầm Non Nậm Din	2	2	<b>100</b>	2	<b>100</b>	2	9
38	Trường Mầm Non Sơn Ca	2	1	<b>50</b>	2	<b>100</b>	2	11
39	Trường Tiểu Học Phình Sáng	1	0	<b>0</b>	1	<b>100</b>	1	1
40	Trường THCS Vừ A Dính	100	95	<b>95</b>	99	<b>99</b>	99	0
41	Trường TH&THCS Nà Sáy	62	60	<b>96,77</b>	61	<b>98,39</b>	62	318
42	Trường PTDTBT TH&THCS Tênh Phong	53	45	<b>84,91</b>	52	<b>98,11</b>	51	14
43	Trường THCS Chiềng Đông	45	26	<b>57,78</b>	44	<b>97,78</b>	45	0
44	Trường Mầm Non Mùn Chung	35	26	<b>74,29</b>	34	<b>97,14</b>	35	0
45	Trường Mầm Non Tênh Phong	35	34	<b>97,14</b>	34	<b>97,14</b>	34	0
46	Trường Tiểu Học Nậm Mức	21	14	<b>66,67</b>	20	<b>95,24</b>	21	1
47	Trường THCS Chiềng Sinh	57	37	<b>64,91</b>	54	<b>94,74</b>	55	7
48	Trường THCS Quài Cang	51	49	<b>96,08</b>	48	<b>94,12</b>	51	35
49	Trường Mầm Non Mường Thín	29	21	<b>72,41</b>	27	<b>93,1</b>	29	2
50	Trường Mầm Non Chiềng Sinh	13	8	<b>61,54</b>	12	<b>92,31</b>	12	10
51	Trường Tiểu Học Số 1 Thị Trấn	11	9	<b>81,82</b>	10	<b>90,91</b>	11	11
52	Trường Mầm Non Hoa Ban	10	9	<b>90</b>	9	<b>90</b>	10	0

STT	Đơn vị	Văn bản đi						VB đến
		VB đã gửi	VB gửi có ký số lãnh đạo	Tỷ lệ % ký số LĐ	VB gửi có ký số	Tỷ lệ % ký số	VB gửi qua mạng	
53	Trường PTDTBT THCS Mùn Chung	12	9	<b>75</b>	10	<b>83,33</b>	12	12
54	Trường Tiểu Học Bình Minh	6	5	<b>83,33</b>	5	<b>83,33</b>	6	27
55	Trường Tiểu Học Mùn Chung	31	23	<b>74,19</b>	25	<b>80,65</b>	26	1
56	Trường Mầm Non Quài Nưa	5	2	<b>40</b>	4	<b>80</b>	4	0
57	Trường Mầm Non Khong Hin	0	0		0		0	1
58	Trường Mầm Non Pú Xi	0	0		0		0	0
59	Trường Mầm Non Sao Mai	0	0		0		0	0
60	Trường Mầm Non Ta Ma	0	0		0		0	0
61	Trường PTDTBT TH Nà Tông	0	0		0		0	10
62	Trường THCS Mường Thín	0	0		0		0	0
<b>Tổng</b>		<b>15573</b>	<b>13802</b>	<b>88,63</b>	<b>15389</b>	<b>98,82</b>	<b>15419</b>	<b>15935</b>